

THÀNH PHẦN LOÀI CHIM Ở KHU ĐỀ XUẤT BẢO VỆ CẢNH QUAN THÁC GIỀNG, TỈNH BẮC KẠN

Ngô Xuân Trường^{1*}, Nguyễn Văn Hiếu²

TÓM TẮT

Khu vực Thác Giềng, tỉnh Bắc Kạn có diện tích tự nhiên khoảng 496 ha, đây là khu vực có tài nguyên sinh vật khá đa dạng, phong phú. Bên cạnh những giá trị về đa dạng sinh học, khu vực này còn có nhiều danh thắng có giá trị về du lịch đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận xếp hạng là di tích danh thắng cấp Quốc gia, như: động Ảng Toòng, thác Nà Noọc,... Qua điều tra khảo sát thực địa và tham khảo kết quả các công trình nghiên cứu về chim đã được công bố ở khu vực Thác Giềng, đã thống kê được 116 loài chim thuộc 42 họ của 15 bộ, trong đó 15 loài bắt được bằng lưới mờ, 11 loài chụp được ảnh ngoài thiên nhiên, 102 loài quan sát trực tiếp ngoài thiên nhiên, 8 loài được ghi nhận qua tiếng kêu đặc trưng và 10 loài được ghi nhận qua phỏng vấn người dân địa phương. Trong số 116 loài chim đã xác định được ở khu vực Thác Giềng có 11 loài được ghi trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ đều ở nhóm IIB (Hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại và các loài thuộc Phụ lục II CITES có phân bố tự nhiên tại Việt Nam). Không có loài nào được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục đỏ IUCN (2020) và Nghị định 64/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Từ khóa: Loài chim, Bắc Kạn, Thác Giềng.

1. BẬT VẤN ĐỀ

Bắc Kạn là một tỉnh nằm ở vùng trung du miền núi phía Bắc Việt Nam, là nơi tập trung phân bố nhiều loài động thực vật trên cạn và dưới nước trong các hệ sinh thái cảnh quan khá đa dạng, tạo nên nhiều cảnh quan sinh thái hấp dẫn thu hút khách du lịch, góp phần phát triển ngành du lịch cũng như thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Khu vực Thác Giềng là nơi có giá trị cảnh quan độc đáo, hệ động, thực vật phong phú, không chỉ có giá trị về nghiên cứu sinh thái, địa chất, địa mạo mà còn là một địa điểm du lịch sinh thái hấp dẫn bởi nơi đây sơn thủy hữu tình với khí hậu trong lành, mát mẻ quanh năm.

Tuy nhiên, khu vực Thác Giềng đã và đang phải đối mặt với nhiều nguy cơ gây suy giảm đa dạng sinh học, phá vỡ cảnh quan sinh thái như: Quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa, phát triển cơ sở hạ tầng, gia tăng dân số, vấn đề về nhận thức, biến đổi khí hậu, khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ trái phép, sự xuất hiện của sinh vật ngoại lai xâm hại... Nếu không có các giải pháp bảo tồn kịp thời, tình trạng thất thoát tài nguyên sẽ xảy ra với diễn biến ngày một nghiêm

trọng hơn, làm suy giảm đa dạng sinh học và tài nguyên sinh vật ở khu vực Thác Giềng, tỉnh Bắc Kạn.

Nhằm tạo lập cơ sở khoa học cho quản lý bảo tồn đa dạng sinh học và tài nguyên sinh vật, thành lập cơ sở dữ liệu cho việc đề xuất thành lập khu bảo vệ cảnh quan Thác Giềng, đã tiến hành điều tra khảo sát về khu hệ chim ở khu vực Thác Giềng, tỉnh Bắc Kạn.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Địa điểm nghiên cứu tập trung vào khu vực rừng tự nhiên của Thác Giềng có diện tích khoảng 496 ha thuộc phường Xuất Hóa, thành phố Bắc Kạn. Khu vực Thác Giềng được bao phủ bởi hệ sinh thái rừng thường xanh trên núi đá vôi; rừng thường xanh thung lũng, nguyên sinh hoặc đã bị tác động mạnh; rừng trồng; trảng cỏ, cây bụi và nương rẫy. Đã thiết lập được 7 tuyến khảo sát đi qua các dạng sinh cảnh chính ở khu vực nghiên cứu (Bảng 1).

Trên thực địa, khảo sát chim theo tuyến bằng cách quan sát trực tiếp bằng mắt thường và ống nhòm Kowa (10 x 42). Trong quá trình khảo sát, đã tiến hành chụp ảnh chim và sinh cảnh bằng máy ảnh Nikon D850, ống kính 200-500 mm. Dùng lưới mờ Mistnet (kích thước lưới 3 x 12 m; 3 x 18 m, cỡ mắt lưới 1,5 x 1,5 cm) để bắt những loài chim nhỏ di chuyển nhanh, khó phát hiện trong các tầng cây bụi. Chim bắt bằng lưới được thả lại thiên nhiên ngay sau khi xác định xong tên loài.

¹ Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

² Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên

*Email: tuongiebr@gmail.com

Bảng 1. Các tuyến khảo sát chim ở khu vực nghiên cứu

Tuyến khảo sát	Tọa độ điểm đầu	Tọa độ điểm cuối	Độ cao (m)	Sinh cảnh
Tuyến 1: Từ ngã ba Nậm Dắt - đi theo đường mòn lên núi theo hướng về UBND xã Tân Sơn	00613882E/ 01867965N	00543987E/ 02442158N	410-534	Rừng cây gỗ lớn thứ sinh trên đỉnh núi; rừng trồng (keo, mỡ,...) xen lẫn cây bụi sau nương rẫy và nương rẫy dưới chân núi và sườn núi.
Tuyến 2: Từ ngã ba Nậm Dắt - đi theo hướng rừng nghiêng - thác Bạc	00613882E/ 01867965N	00542519E/ 02444448N	534-623	Rừng cây gỗ lớn thứ sinh trên đỉnh núi; rừng trồng (keo, mỡ,...) xen lẫn cây bụi sau nương rẫy và nương rẫy dưới chân núi và sườn núi.
Tuyến 3: Từ ngã ba Nậm Dắt - đi đến đầu thác Bạc	00613882E/ 01867965N	00541897E/ 02444686N	438-534	Rừng cây gỗ lớn thứ sinh trên đỉnh núi; rừng trồng (keo, mỡ,...) xen lẫn cây bụi sau nương rẫy và nương rẫy dưới chân núi và sườn núi.
Tuyến 4: Từ ngã ba Nậm Dắt - đi dọc theo quốc lộ 3B đến cầu Thác Giềng	00613882E/ 01867965N	00540022E/ 02443070N	147-534	Rừng trên núi đá vôi đã bị tác động mạnh xen lẫn nhiều trảng cây bụi, nương rẫy.
Tuyến 5: Từ cầu Thác Giềng - đi đến thôn Nà Khu	00540022E/ 02443070N	00544117E/ 02442001N	147-385	Rừng trên núi đá vôi, rừng trồng, trảng cây bụi và nương rẫy.
Tuyến 6: Từ ngã ba Nậm Dắt - đi Lũng Cốc Muối	00613882E/ 01867965N	00541294E/ 02445813N	373-534	Rừng trên núi đá vôi, rừng trồng, cây ăn quả và nương rẫy.
Tuyến 7: Từ đầu quốc lộ 3B - đi ngược theo suối về hướng thác Bạc	00540668E/ 02443951N	00541417E/ 02445041N	140-169	Rừng thường xanh núi đá vôi đã bị tác động mạnh.

Đã tiến hành phỏng vấn người dân địa phương, là những người thường xuyên đi rừng và cán bộ kiểm lâm để thu thập thêm thông tin của loài. Khi phỏng vấn sử dụng ảnh màu trong các sách hướng dẫn nhận dạng các loài chim của Robson, 2005 [7]; Nguyễn Cử và cs., 2000 [5]. Ngoài ra, đã thu thập các di vật cơ thể của chim còn lưu giữ lại trong nhân dân địa phương như: lông cánh, lông đuôi, mỏ, giò.... Những dẫn liệu này sẽ bổ sung thêm cho việc xác định loài.

Xác định tên chim tại thực địa bằng sách hướng dẫn nhận dạng các loài chim có hình vẽ màu của Robson (2005) [7], ngoài ra còn tham khảo sách Chim Việt Nam của Nguyễn Cử, Lê Trọng Trãi, Karen Philipps (2000) [5]. Tên khoa học và danh sách các loài chim được sắp xếp theo BirdLife International, 2014 - Version 7 [1]. Tên phổ thông các loài chim theo Võ Quý, Nguyễn Cử (1995) [8].

Các loài có giá trị bảo tồn cấp quốc gia và quốc tế hoặc có giá trị kinh tế được đánh giá dựa theo Sách Đỏ Việt Nam, 2007 [2]; Danh lục Đỏ IUCN, 2020 [6]; Nghị định 06/2019/NĐ-CP [0] và Nghị định 64/2019/NĐ-CP [4] của Chính phủ.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thành phần phân loại học

Qua điều tra khảo sát thực địa và tham khảo kết quả các công trình nghiên cứu đã được công bố về

chim ở khu vực Thác Giềng, đã thống kê được 116 loài chim thuộc 42 họ của 15 bộ (Bảng 2). Trong tổng số 116 loài chim có 15 loài bắt được bằng lưới mờ, 11 loài chụp được ảnh ngoài thiên nhiên, 102 loài quan sát trực tiếp ngoài thiên nhiên, 8 loài được ghi nhận qua tiếng kêu đặc trưng và 10 loài được ghi nhận qua phỏng vấn người dân địa phương.

Bảng 2. Danh sách thành phần loài chim ở khu đề xuất bảo vệ cảnh quan Thác Giềng, tỉnh Bắc Kạn

STT	Tên khoa học	Dạng thông tin
	I. GALLIFORMES	
	1. Phasianidae	
1	<i>Francolinus pintadeanus</i>	K, PV
2	<i>Gallus gallus</i>	PV
	II. COLUMBIFORMES	
	2. Columbidae	
3	<i>Spilopelia chinensis</i>	A, QS
4	<i>Macropygia unchall</i>	QS
5	<i>Chalcophaps indica</i>	QS
6	<i>Treron sp.</i>	QS
7	<i>Ducula aenea</i>	QS
	III. CAPRIMULGIFORMES	
	3. Caprimulgidae	
8	<i>Caprimulgus macrurus</i>	QS
	4. Apodidae	

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

STT	Tên khoa học	Dạng thông tin
9	<i>Collocalia brevirostris</i>	QS
10	<i>Collocalia fuciphaga</i>	QS
	IV. CUCULIFORMES	
	5. Cuculidae	
11	<i>Centropus sinensis</i>	QS, K
12	<i>Centropus bengalensis</i>	QS
13	<i>Phaenicophaeus tristis</i>	QS
14	<i>Eudynamys scolopaceus</i>	QS
15	<i>Cacomantis merulinus</i>	K
16	<i>Cuculus micropterus</i>	K
17	<i>Cuculus sparverioides</i>	QS
18	<i>Cuculus fugax</i>	QS
	V. GRUIFORMES	
	6. Rallidae	
19	<i>Amaurornis phoenicurus</i>	QS
	VI. PELECANIFORMES	
	7. Ardeidae	
20	<i>Butorides striata</i>	QS
21	<i>Ardeola bacchus</i>	A, QS
22	<i>Bubulcus ibis</i>	QS
23	<i>Egretta garzetta</i>	A, QS
	VII. CHARADRIIFORMES	
	8. Charadriidae	
24	<i>Charadrius dubius</i>	QS
25	<i>Charadrius alexandrinus</i>	QS
	9. Scolopacidae	
26	<i>Actitis hypoleucos</i>	QS
27	<i>Tringa ochropus</i>	QS
28	<i>Tringa nebularia</i>	QS
	10. Turnicidae	
29	<i>Turnix suscitator</i>	QS
	VIII. STRIGIFORMES	
	11. Strigidae	
30	<i>Otus spilocephalus</i>	K
31	<i>Otus bakkamoena</i>	K
	IX. ACCIPITRIFORMES	
	12. Accipitridae	
32	<i>Spilornis cheela</i>	QS, K
33	<i>Milvus migrans</i>	QS
	X. TROGONIFORMES	
	13. Trogonidae	
34	<i>Harpactes erythrocephalus</i>	QS
	XI. CORACIIFORMES	
	14. Meropidae	
35	<i>Nyctornis athertoni</i>	QS
36	<i>Merops viridis</i>	QS
	15. Alcedinidae	

STT	Tên khoa học	Dạng thông tin
37	<i>Alcedo atthis</i>	M, A, QS
38	<i>Halcyon smyrnensis</i>	QS
	XII. PICIFORMES	
	16. Megalaimidae	
39	<i>Psilopogon lagrandieri</i>	QS
40	<i>Psilopogon virens</i>	QS
41	<i>Psilopogon faiostrictus</i>	QS, K
	17. Picidae	
42	<i>Sasia ochracea</i>	M
43	<i>Micropternus brachyurus</i>	QS
44	<i>Chrysophlegma flavinucha</i>	QS
45	<i>Picoides canicapillus</i>	QS
	XIII. FALCONIFORMES	
	18. Falconidae	
46	<i>Microhierax melanoleucos</i>	QS
47	<i>Falco tinnunculus</i>	QS
	XIV. PSITTACIFORMES	
	19. Psittacidae	
48	<i>Psittacula alexandri</i>	QS, PV
	XV. PASSERIFORMES	
	20. Aegithinidae	
49	<i>Aegithina tiphia</i>	QS
50	<i>Aegithina lafresnayei</i>	QS
	21. Campephagidae	
51	<i>Pericrocotus flammeus</i>	QS
52	<i>Hemipus picatus</i>	QS
	22. Laniidae	
53	<i>Lanius schach</i>	M, QS
	23. Dicruridae	
54	<i>Dicrurus macrocercus</i>	A, QS
55	<i>Dicrurus leucophaeus</i>	QS
56	<i>Dicrurus annectans</i>	QS
	24. Rhipiduridae	
57	<i>Rhipidura albicollis</i>	M, QS
	25. Monarchidae	
58	<i>Hypothymis azurea</i>	M, QS
	26. Corvidae	
59	<i>Urocissa erythrorhyncha</i>	QS
60	<i>Cissa chinensis</i>	QS
61	<i>Cissa hypoleuca</i>	QS
62	<i>Crypsirina temia</i>	QS
63	<i>Corvus macrorhynchos</i>	M, PV
	27. Paridae	
64	<i>Parus major</i>	QS
	28. Hirundinidae	
65	<i>Hirundo rustica</i>	QS
	29. Alaudidae	

STT	Tên khoa học	Dạng thông tin
66	<i>Alauda gulgula</i>	QS
	30. Cisticolidae	
67	<i>Prinia rufescens</i>	
	31. Pycnonotidae	
68	<i>Pycnonotus melanicterus</i>	M
69	<i>Pycnonotus jocosus</i>	A, QS
70	<i>Pycnonotus sinensis</i>	QS
71	<i>Alophoixus pallidus</i>	M, A, QS
72	<i>Hypsipetes leucocephalus</i>	QS
	32. Sylviidae	
73	<i>Orthotomus sutorius</i>	A, QS
74	<i>Orthotomus atrogularis</i>	M, QS
75	<i>Phylloscopus fuscatus</i>	QS
76	<i>Phylloscopus inornatus</i>	QS
77	<i>Phylloscopus borealis</i>	QS
	33. Timaliidae	
78	<i>Pellorneum ruficeps</i>	QS
79	<i>Pellorneum tickelli</i>	M, QS
80	<i>Pomatorhinus ruficollis</i>	QS
81	<i>Stachyris nigriceps</i>	M, QS
82	<i>Macronous gularis</i>	M, A, QS
83	<i>Garrulax chinensis</i>	PV
84	<i>Garrulax canorus</i>	PV
85	<i>Leiothrix argentea</i>	QS
86	<i>Leiothrix lutea</i>	QS, PV
87	<i>Alcippe morrisonia</i>	QS
88	<i>Erpornis zantholeuca</i>	M, QS
	34. Zosteropidae	
89	<i>Zosterops palpebrosus</i>	QS
	35. Irenidae	
90	<i>Irena puella</i>	QS
	36. Sturnidae	
91	<i>Acridotheres cristatellus</i>	PV
92	<i>Sturnus sinensis</i>	QS
93	<i>Sturnus nigricollis</i>	QS, PV
	37. Muscicapidae	
94	<i>Luscinia sibilans</i>	QS
95	<i>Copsychus saularis</i>	QS
96	<i>Copsychus malabaricus</i>	PV
97	<i>Saxicola torquatus</i>	QS
98	<i>Monticola solitarius</i>	QS
99	<i>Muscicapa dauurica</i>	QS
100	<i>Ficedula parva</i>	QS
101	<i>Eumyias thalassinus</i>	QS
102	<i>Cyornis concretus</i>	M, QS
	38. Dicaeidae	
103	<i>Dicaeum chrysorrheum</i>	QS

STT	Tên khoa học	Dạng thông tin
104	<i>Dicaeum concolor</i>	QS
105	<i>Dicaeum cruentatum</i>	QS
	39. Nectariniidae	
106	<i>Aethopyga saturata</i>	A, QS
107	<i>Aethopyga siparaja</i>	M, QS
108	<i>Arachnothera longirostra</i>	QS
109	<i>Arachnothera magna</i>	QS
	40. Passeridae	
110	<i>Passer montanus</i>	A, QS
	41. Estrildidae	
111	<i>Lonchura striata</i>	QS
112	<i>Lonchura punctulata</i>	QS
	42. Motacillidae	
113	<i>Motacilla alba</i>	QS
114	<i>Motacilla flava</i>	QS
115	<i>Motacilla cinerea</i>	QS
116	<i>Anthus hodgsoni</i>	QS

Ghi chú: Tình trạng ghi nhận: M - Loài thu được bằng lưới mờ; A - Ảnh chụp ngoài thiên nhiên; QS - Quan sát ngoài thiên nhiên; K - Loài được ghi nhận qua tiếng kêu; PV - Loài được ghi nhận qua phỏng vấn người dân địa phương.

Thành phần loài chim ở khu vực Thác Giếng có sự khác biệt về số họ và số loài trong các bộ (Bảng 3). So sánh sự đa dạng về số họ và loài trong các bộ như sau:

Sự đa dạng về thành phần họ: Trong số 42 họ chim ghi nhận được ở khu vực Thác Giếng thì bộ Sẻ - Passeriformes có số họ đa dạng nhất với 23 họ (chiếm 54,76% tổng số họ ghi nhận được ở khu vực nghiên cứu); tiếp theo là bộ Rẽ - Charadriiformes với 3 họ (chiếm 7,14%); ba bộ: Cú muỗi - Caprimulgiformes, Sả - Coraciiformes, Gõ kiến - Piciformes đều có 2 họ (chiếm 4,76%). Các bộ còn lại chỉ có 1 họ (chiếm 2,38%).

Sự đa dạng về thành phần loài: Xét sự đa dạng về thành phần loài trong các bộ cho thấy bộ Sẻ - Passeriformes có số loài đa dạng nhất với 68 loài (chiếm 58,62% tổng số loài ghi nhận được ở khu vực nghiên cứu); tiếp đến là bộ Cu cu - Cuculiformes với 8 loài (chiếm 6,90%); Gõ kiến Piciformes với 7 loài (chiếm 6,03%); bộ Rẽ - Charadriiformes với 6 loài (chiếm 5,17%); bộ Bồ câu - Columbiformes với 5 loài (chiếm 4,31%); hai bộ: Bồ nông - Pelecaniformes và Sả - Coraciiformes đều có 4 loài (chiếm 3,45%); bộ Cú muỗi - Caprimulgiformes với 3 loài (chiếm 2,59%). Các bộ còn lại chỉ có từ 1 đến 2 loài (chiếm từ 0,86 đến 1,72%).

Bảng 3. Cấu trúc thành phần loài chim ở khu vực Thác Giềng

STT	Tên Bộ	Họ		Loài	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Gà - Galliformes	1	2,38	2	1,72
2	Bồ câu - Columbiformes	1	2,38	5	4,31
3	Cú muỗi - Caprimulgiformes	2	4,76	3	2,59
4	Cu cu - Cuculiformes	1	2,38	8	6,90
5	Sếu - Gruiformes	1	2,38	1	0,86
6	Bồ nông - Pelecaniformes	1	2,38	4	3,45
7	Rẽ - Charadriiformes	3	7,14	6	5,17
8	Cú - Strigiformes	1	2,38	2	1,72
9	Ứng - Accipitriformes	1	2,38	2	1,72
10	Nước - Trogoniformes	1	2,38	1	0,86
11	Sả - Coraciiformes	2	4,76	4	3,45
12	Gõ kiến - Piciformes	2	4,76	7	6,03
13	Cắt - Falconiformes	1	2,38	2	1,72
14	Vẹt - Psittaciformes	1	2,38	1	0,86
15	Sẻ - Passeriformes	23	54,76	68	58,62
	Tổng số	42	100,00	116	100,00

3.2. Thống kê các loài chim có giá trị bảo tồn

Trong số 116 loài chim đã xác định được ở khu vực Thác Giềng có 11 loài có giá trị bảo tồn cấp quốc gia hoặc có ý nghĩa kinh tế (Bảng 4). Trong đó:

- Có 11 loài được ghi trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ đều ở nhóm IIB (hạn

chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại và các loài thuộc Phụ lục II CITES có phân bố tự nhiên tại Việt Nam).

- Không có loài nào được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục đỏ IUCN (2020) và Nghị định 64/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Bảng 4. Danh sách các loài chim có giá trị bảo tồn ở khu vực Thác Giềng

STT	Tên khoa học	Tên phổ thông	Tình trạng bảo tồn			
			SĐVN, 2007	IUCN, 2020	NĐ06/2019	NĐ64/2019
1	<i>Otus spilocephalus</i>	Cú mèo latuso			IIB	
2	<i>Otus bakkamoena</i>	Cú mèo khoang cổ			IIB	
3	<i>Spilornis cheela</i>	Diều hoa miến điện			IIB	
4	<i>Milvus migrans</i>	Diều hâu			IIB	
5	<i>Microhierax melanoleucos</i>	Cắt nhỏ bụng trắng			IIB	
6	<i>Falco tinnunculus</i>	Cắt lưng hung			IIB	
7	<i>Psittacula alexandri</i>	Vẹt ngực đỏ			IIB	
8	<i>Garrulax chinensis</i>	Khướu bạc má			IIB	
9	<i>Garrulax canorus</i>	Họa mi			IIB	
10	<i>Leiothrix argentauris</i>	Kim oanh tai bạc			IIB	
11	<i>Leiothrix lutea</i>	Kim oanh mỏ đỏ			IIB	
Tổng số			0	0	11	0

Ghi chú: SĐVN, 2007 - Sách Đỏ Việt Nam, 2007; IUCN, 2020 – Danh lục đỏ IUCN, 2020; NĐ06/2019 - Nghị định 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ; IIB - Hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại và các loài thuộc Phụ lục II CITES có phân bố tự nhiên tại Việt Nam; NĐ64/2019 - Nghị định 64/2019/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ.

4. KẾT LUẬN

- Kết quả nghiên cứu đã ghi nhận được 116 loài chim thuộc 42 họ của 15 bộ ở khu đề xuất bảo vệ cảnh quan Thác Giềng, tỉnh Bắc Kạn.

- Tiềm năng về giá trị bảo tồn các loài chim ở mức cao, bởi có 11 loài có giá trị bảo tồn cấp quốc gia và ý nghĩa kinh tế. Trong đó, có 11 loài chim đều được ghi trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ ở nhóm IIB (Hạn chế khai thác sử dụng vì mục đích thương mại và các loài thuộc Phụ lục II CITES có phân bố tự nhiên tại Việt Nam). Không có loài nào được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục đỏ IUCN (2020) hoặc Nghị định 64/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

LỜI CẢM ƠN

Công trình được hoàn thành với sự tài trợ về kinh phí của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BirdLife International, 2014. The BirdLife checklist of the birds of the world: Version 7.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. Sách Đỏ Việt Nam (Phần

I: Động vật). Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội. 515 trang.

3. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 2019. Nghị định số 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

4. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 2019. Nghị định 64/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ.

5. Nguyễn Cử, Lê Trọng Trãi, Karen Philipps, 2000. Chim Việt Nam. Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội. 250 trang.

6. IUCN, 2020: 2020 IUCN Red List of Threatened Species. International Union for Conservation of Nature and Natural resources.

7. Robson C. R., 2005. Birds of Southeast Asia. New Holland Publishers (UK) Ltd.

8. Võ Quý, Nguyễn Cử, 1995. Danh lục Chim Việt Nam. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội. 119 trang.

THE BIRD SPECIES COMPOSITION OF THE THAC GIENG PROPERTY FOR PROTECTION OF THE LANDSCAPE, BAC KAN PROVINCE

Ngo Xuan Tuong, Nguyen Van Hieu

Summary

Thac Gieng covers an area of 496 ha of Bac Kan province in the mountainous region of Northern Vietnam. This area has rich biodiversity and is home of many endemic species. Thac Gieng is not only protected site for bio-conservation but also famous site for tourism. Many tourist attractions were ranked by the Vietnamese Ministry of Culture, Sports and Tourism as national-level scenic relics, such as Ang Tong cave, Na Nooc waterfall, etc. By both literature review and field survey in Thac Gieng area, a total of 116 bird species, which are belonging to 42 families, 15 orders, were recorded. Of which, 15 species were captured by mist nets, 11 species were photographs taken in their natural habitat, 102 species were detected by observation, 8 species were detected by call identification and 10 species were recorded by interviewing the local people. Among 116 bird species in Thac Gieng area, 11 species are listed in the a group IIB of the Decree no. 06/2019/ND-CP of the Vietnam Government. There are no species which are listed in the Vietnam Red Book (2007), IUCN Red List (2019) and the Vietnamese Government Decree no. 64/2019/ND-CP.

Keywords: *Thac Gieng, Biodiversity, Bird.*

Người phản biện: PGS.TS. Vũ Tiến Thịnh

Ngày nhận bài: 16/12/2020

Ngày thông qua phản biện: 18/01/2021

Ngày duyệt đăng: 25/01/2021